

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin
của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Ban hành quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính
phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan
nhà nước trên môi trường mạng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
135/TTr-STTTT ngày 27 tháng 12 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2023. Thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp

thông tin và duy trì hoạt động Cổng Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng KGVH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Minh Thúy

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước
trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh An Giang
(Kèm theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi là công thông tin điện tử).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng thông tin, dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo quy định pháp luật.
- Cơ quan, tổ chức khác tự nguyện áp dụng các quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Công thông tin điện tử của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã là điểm truy cập của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.
- Cơ quan chủ quản Công thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử là các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản).
- Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã. Mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một hoặc một số thủ tục hành chính để giải quyết một công việc cụ thể, liên quan đến tổ chức, cá nhân.
- Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

Chương II

CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 4. Thông tin cung cấp trên môi trường mạng

1. Danh mục Thông tin công bố, công khai của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

2. Thông tin của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp trên môi trường mạng phải được cập nhật kịp thời sau khi có sự thay đổi.

Điều 5. Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

1. Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là kênh cung cấp thông tin chính thống, tập trung của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử thì phải là thành phần của Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh làm đầu mối kết nối thông tin chỉ đạo điều hành của tỉnh trên môi trường mạng; hướng dẫn nghiệp vụ, tích hợp thông tin với Cổng thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trực thuộc tỉnh.

3. Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh kết nối, tích hợp với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

4. Tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và sử dụng công nghệ địa chỉ Internet IPv6, tuân thủ theo quy tắc sau đây:

a) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, sử dụng tên miền cấp 3 có dạng: `angiang.gov.vn`.

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: `tencoquan.angiang.gov.vn`, trong đó `tencoquan` là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của cơ quan chuyên môn bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.

c) Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: `tenhuyen.angiang.gov.vn`, trong đó `tenhuyen` là tên đầy đủ của huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, bằng tiếng Việt không dấu.

d) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng tên miền cấp 5 có dạng: `tenphuongxa.tenhuyen.angiang.gov.vn`, trong đó `tenphuongxa` là tên đầy đủ của xã, phường, thị trấn bằng tiếng Việt không dấu.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có trách nhiệm bổ sung, thay đổi tên miền truy cập theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp các dữ liệu đặc tả cho Cổng thông tin điện tử của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin, bảo đảm khả năng liên kết, tích hợp với Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có liên quan, đồng thời bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các chức năng hỗ trợ cơ bản của Cổng thông tin điện tử

1. Cổng thông tin điện tử của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ tìm kiếm, liên kết và lưu trữ thông tin

a) Chức năng tra cứu, tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm được đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác các đường liên kết đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước khác có liên quan.

c) Cung cấp chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi tin, bài.

2. Cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài

a) Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã phải bảo đảm cung cấp các thông tin bằng tiếng Anh gồm: Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

b) Khuyến khích Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã đăng tải các mục thông tin khác bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

c) Các mục thông tin quy định tại điểm a, điểm b của khoản 2 Điều này phải được cập nhật kịp thời khi có thay đổi.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các cơ quan nhà nước triển khai các chức năng cơ bản tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên các kênh cung cấp khác.

Điều 7. Tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để cung cấp chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử, bao gồm:

a) Chức năng hỏi đáp và tiếp nhận thông tin phản hồi trực tuyến.

b) Hỗ trợ tính năng mạng xã hội.

c) Cho phép tham gia trong hoạt động xây dựng pháp luật, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Cho phép đánh giá hoạt động cung cấp thông tin của Sở, ban, ngành cấp tỉnh;

Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên môi trường mạng, bao gồm đánh giá về giao diện, nội dung, chất lượng, sự hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

đ) Công khai toàn bộ các thông tin tương tác với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có thể triển khai chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân tại khoản 1 Điều này qua các kênh cung cấp thông tin khác trên môi trường mạng.

Điều 8. Kết nối, chia sẻ thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

1. Trường hợp Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai nhiều kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng, các kênh này phải được kết nối, tích hợp để bảo đảm cung cấp thông tin đồng bộ với thông tin trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

2. Các thông tin trên Cổng thông tin điện tử được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ web, giao diện lập trình ứng dụng hoặc các hình thức phổ biến khác để bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 9. Quản lý, giám sát cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đánh giá việc cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trên môi trường mạng (Thông qua Sở Thông tin và Truyền thông làm đại diện) để bảo đảm khả năng thuận tiện và bảo đảm chất lượng của việc cung cấp thông tin.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trực thuộc tỉnh kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số để tham mưu quản lý, giám sát hiệu quả, mức độ cung cấp, sử dụng thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương III CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 10. Kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1. Cổng dịch vụ công của tỉnh kết nối, tích hợp với Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia. Kết nối toàn diện triệt để Cổng

thông tin điện tử và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMS) để thực hiện đo lường, đánh giá, theo dõi quản lý việc cung cấp và hiệu quả sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cổng thông tin thành phần phải có mục “dịch vụ công trực tuyến” thông báo danh mục và thông tin của các dịch vụ công trực tuyến được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đồng bộ và đăng tải trên Cổng dịch vụ công cấp tỉnh. Các dịch vụ công trực tuyến phải được tổ chức, phân loại theo đối tượng sử dụng (tổ chức, cá nhân), theo nhóm dịch vụ (theo chủ đề), theo mức độ và cơ quan thực hiện để thuận tiện cho việc tìm kiếm, sử dụng của đối tượng (tổ chức, cá nhân).

3. Các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm thuận tiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

b) Cho phép tổ chức, cá nhân có thể đánh giá trực tuyến mức độ hài lòng về dịch vụ công trực tuyến được cung cấp. Cơ quan nhà nước bảo đảm tính bí mật, riêng tư của tổ chức, cá nhân đánh giá.

c) Đồng bộ về thông tin, trạng thái xử lý với dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh.

4. Tổ chức, cá nhân có quyền chọn lựa kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên Cổng thông tin điện tử và có trách nhiệm tuân thủ những quy định về sử dụng các dịch vụ công trực tuyến đó.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1. Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là Cổng thông tin tích hợp hoặc liên kết thông tin, dịch vụ công trực tuyến của tất cả Cổng thông tin thành phần của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cổng thông tin điện tử các sở, ban, ngành cấp tỉnh tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

3. Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của đơn vị và của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện.

Chương IV

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Mục 1

BẢO ĐẢM NHÂN LỰC

Điều 12. Nhân lực biên tập Cổng thông tin điện tử

Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phân công, bố trí đủ nhân lực biên tập Cổng thông tin điện tử để tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin, bảo đảm hoạt động của Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

1. Quyết định thành phần Ban Biên tập:

a) Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin và phối hợp xử lý dịch vụ công để đảm bảo hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan Thường trực của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang.

b) Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử các Sở, ban, ngành cấp tỉnh do Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Thủ trưởng của Sở ban, ngành cấp tỉnh trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin và phối hợp xử lý dịch vụ công để đảm bảo hoạt động của cổng thông tin điện tử của đơn vị.

c) Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin và phối hợp xử lý dịch vụ công để đảm bảo hoạt động của Cổng thông tin điện tử huyện, thị xã, thành phố.

d) Ban Biên tập Trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin và phối hợp xử lý dịch vụ công để đảm bảo hoạt động của Trang thông tin điện tử xã, phường, thị trấn.

2. Quy mô và tổ chức của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; quy mô và tổ chức của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử các đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quyết định căn cứ trên tình hình thực tế và khả năng kinh phí hoạt động Cổng thông tin điện tử.

3. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Lãnh đạo Ban Biên tập làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chế độ làm việc của các thành viên do Trưởng ban quyết định.

4. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan.

Điều 13. Nhân lực quản trị kỹ thuật

Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực chuyên môn để quản trị Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công và các hệ thống cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bồi dưỡng nhân lực

Đơn vị quản lý, vận hành Cổng, Trang thông tin điện tử có trách nhiệm bồi dưỡng nhân lực về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực đảm nhiệm để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử.

Mục 2

BẢO ĐẢM KINH PHÍ

Điều 15. Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

1. Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước:

Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên môi trường mạng được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo các lĩnh vực chi của cơ quan, đơn vị. Trong đó, kinh phí cho duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử tỉnh được dự toán chi ngân sách sự nghiệp hàng năm của đơn vị được giao xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử; kinh phí cho duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã tích hợp vào cổng thông tin điện tử tỉnh được dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị (Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị tổng hợp dự toán trên cơ sở nhu cầu thực tế của các đơn vị, gửi Sở Tài chính cấp kinh phí cho từng đơn vị); Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử các huyện, thị xã, thành phố được cân đối từ nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố. Kinh phí duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử các xã, phường, thị trấn được cân đối từ nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn.

Kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ cổng thông tin điện tử được bố trí hàng năm trong dự toán ngân sách của cơ quan để bồi dưỡng cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ.

d) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã hàng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo đảm kinh phí để duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử của mình; báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phân bổ kinh phí.

Điều 16. Kinh phí bảo đảm cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, đơn vị được giao quản trị, vận hành được trang bị đầy đủ hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị cần thiết khác để bảo đảm

lưu trữ, khai thác, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ hoạt động Công thông tin điện tử.

2. Định kỳ theo giai đoạn, hằng năm, Đơn vị được giao xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành Công thông tin điện tử xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp các hệ thống cung cấp thông tin trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ kinh phí, nhằm bảo đảm hoạt động cung cấp thông tin ổn định, an toàn thông tin mạng.

Điều 17. Kinh phí tạo lập thông tin và chi trả nhuận bút, cung cấp thông tin

1. Chế độ thù lao, nhuận bút cho việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên Công thông tin điện tử và các kênh cung cấp khác thực hiện theo quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

2. Mức chi cho việc tạo lập, chuyển đổi và số hóa thông tin trên Công thông tin điện tử và các kênh cung cấp khác của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về mức chi tạo lập thông tin điện tử.

3. Căn cứ khả năng kinh phí của cơ quan, Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định mức chi cụ thể cho việc tạo lập thông tin và chi trả thù lao, nhuận bút phù hợp với các quy định của pháp luật.

Mục 3
ĐẢM BẢO HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 18. Bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông để cung cấp thông tin trên môi trường mạng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật để cung cấp thông tin trên Công thông tin điện tử.

Điều 19. Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến

1. Các kênh cung cấp thông tin và các hệ thống thông tin liên quan của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để bảo đảm hoạt động tin cậy, liên tục.

2. Hằng năm, các kênh cung cấp thông tin và các hệ thống thông tin liên quan của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã phải được rà soát, có phương án nâng cấp, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tế. Thông qua Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện.

Điều 20. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật

1. Cơ quan nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ từ nhà cung cấp bên ngoài phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và có sự thống nhất

của Sở Thông tin và Truyền thông để bảo đảm cho hoạt động cung cấp thông tin hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc thu thập, xử lý và cập nhật thông tin cho các kênh cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng, bảo đảm khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ hiện có, ứng dụng các công nghệ hiện đại, ưu tiên ứng dụng công nghệ điện toán đám mây.

Điều 21. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin trên môi trường mạng bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng.
2. Có giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin mạng của các kênh cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến.
3. Có phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm các kênh cung cấp thông tin hoạt động liên tục 24 giờ trong tất cả các ngày.

Chương V

NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH CUNG CẤP, TIẾP NHẬN VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Điều 22. Nguyên tắc, quy trình cung cấp, tiếp nhận thông tin trên Cổng thông tin điện tử

1. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử có trách nhiệm biên tập, xử lý, kiểm duyệt thông tin, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý và hoạt động chuyên ngành của cơ quan, đơn vị mình lên Cổng Thông tin điện tử theo đúng Quy chế này và chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin được duyệt đăng tải lên Cổng thông tin điện tử.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khi cung cấp thông tin, chịu sự kiểm duyệt của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung cung cấp cho Ban Biên tập.

Điều 23. Lưu trữ thông tin trên Cổng Thông tin điện tử

1. Lưu trữ thông tin: Các đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử có trách nhiệm bảo đảm việc lưu trữ thông tin trên Cổng thông tin điện tử, lưu trữ thông tin đã duyệt của Cổng thông tin điện tử theo quy định của Nhà nước về Lưu trữ.

2. Các thông tin, bài viết về chính sách, chủ trương của Trung ương, địa phương; khi chính sách, chủ trương đó đã bị bãi bỏ hoặc chủ trương, văn bản cấp dưới không còn phù hợp với chủ trương, văn bản cấp trên, nhưng vẫn còn thời gian

lưu trữ thông tin trên Cổng thông tin điện tử, Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử có trách nhiệm gỡ bỏ thông tin, bài viết đó.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Chế độ báo cáo và kiểm tra

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; các báo cáo, đánh giá về hoạt động Cổng thông tin điện tử thành phần được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo hoạt động Cổng thông tin điện tử thành phần về Sở Thông tin và Truyền thông, theo định kỳ hàng quý (trước ngày 15 của tháng cuối quý), năm (trước ngày 20 tháng 11 hàng năm) và đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền; Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo năm trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đưa thông tin, cập nhật dịch vụ công trực tuyến lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động các Cổng thông tin điện tử của các đơn vị tích hợp vào Cổng thông tin điện tử tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện và giám sát các đơn vị thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc xây dựng, duy trì hoạt động và nâng cấp Cổng thông tin điện tử theo quy định.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương thức và cơ chế thanh toán đối với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

5. Cung cấp đầu mối liên hệ hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, quản lý, lưu trữ thông tin trên Cổng thông tin điện tử.

Điều 26. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, giám sát và cải tiến chất lượng cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

3. Tổ chức thực hiện các quy định của quy chế này tại đơn vị.

4. Cổng thông tin điện tử các huyện, thị xã, thành phố do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. Tùy tình hình thực tế từng địa phương Ủy ban nhân dân cấp huyện chọn đơn vị trực thuộc quản trị, vận hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động của Cổng thông tin điện tử huyện, thị xã, thành phố.

5. Trang thông tin điện tử các xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Tùy tình hình thực tế từng địa phương Ủy ban nhân dân cấp xã chọn đơn vị trực thuộc quản trị, vận hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động của Trang thông tin điện tử đơn vị mình.

6. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh quản lý và chịu trách nhiệm về hoạt động của Cổng thông tin điện tử thuộc đơn vị mình quản lý.

Điều 27. Quy định chuyển tiếp

Các Cổng, Trang thông tin điện tử thành phần chưa phù hợp Quy chế này, cơ quan quản lý cổng, trang thông tin điện tử thành phần phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông có lộ trình nâng cấp, chuyển đổi trong vòng 02 năm kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 cơ quan chủ quản có trách nhiệm thực hiện theo khoản 1 Điều 6 của Quy chế này để đảm bảo Trang thông tin điện tử là thành phần của Cổng thông tin điện tử thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với tên miền chuyển đổi tên miền đúng theo quy định Quy chế này, duy trì song song tên miền cũ trong thời gian 03 tháng, sau thời gian trên, chuyển hoạt động Cổng thông tin điện tử thành phần hoàn toàn theo tên mới.

Điều 28. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị bổ sung, các đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.